

Phụ lục I.2

MỨC KHUYẾN KHÍCH ĐỐI VỚI TẬP THỂ, CÁ NHÂN LẬP THÀNH TÍCH CAO TẠI CÁC CUỘC THI TRONG LĨNH VỰC THỂ DỤC - THỂ THAO

(ĐẠI HỘI, GIẢI THI ĐẤU THỂ THAO QUỐC TẾ DÀNH CHO NGƯỜI KHUYẾT TẬT)

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 03/2020/NQ-HĐND ngày 21/4/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam)

Đơn vị tính: đồng

TT	DANH MỤC CÁC CUỘC THI	MỨC KHUYẾN KHÍCH (50% mức quy định tại Nghị định số 152/2018/NĐ-CP)			
		HCV	HCB	HCD	Phá kỷ lục
A	Đại hội, giải thi đấu thể thao quốc tế dành cho người khuyết tật				
I	Đại hội thể thao				
1	Paralympic	110.000.000	70.000.000	42.500.000	+42.500.000
2	Paralympic trẻ	22.500.000	15.000.000	10.000.000	+10.000.000
3	Đại hội thể thao người khuyết tật châu Á (ASIAN PARA Games)	40.000.000	25.000.000	15.000.000	+15.000.000
4	Đại hội thể thao người khuyết tật Đông Nam Á	12.500.000	7.500.000	5.000.000	+5.000.000
II	Giải vô địch thế giới từng môn				
1	Nhóm I	42.500.000	27.500.000	17.500.000	+17.500.000
2	Nhóm II	12.500.000	7.500.000	5.000.000	+5.000.000
III	Giải vô địch châu Á từng môn				
1	Nhóm I	17.500.000	10.000.000	7.500.000	+7.500.000
2	Nhóm II	7.500.000	5.000.000	4.000.000	+4.000.000
IV	Giải vô địch Đông Nam Á từng môn thể thao				
1	Nhóm I	10.000.000	6.000.000	4.000.000	+4.000.000
2	Nhóm II	6.000.000	4.000.000	2.500.000	+2.500.000
B	Đại hội thể thao vô địch trẻ người khuyết tật châu Á, Đông Nam Á, giải vô địch trẻ người khuyết tật thế giới, châu Á, Đông Nam Á: Được hưởng mức khuyến khích bằng 50% mức khuyến khích tương ứng quy định tại mục A phụ lục này.				

C	Các môn, nội dung thi mà thành tích thi đấu được sử dụng để xác định huy chương của các nội dung cá nhân và đồng đội được tính trong cùng một lần thi: Từ huy chương thứ hai trở lên, mức khuyến khích chung cho cá nhân bằng số lượng người được khuyến khích nhân với 50% mức khuyến khích tương ứng quy định tại mục A, B quy định tại phụ lục này.
----------	---
